

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/11/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hứa Thanh Hải

2. Bà Trần Ngọc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1062/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà PTTT, sinh năm 1990; thường trú: Ấp HB, thị trấn KC, huyện PH, tỉnh HG, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông NTP, sinh năm 1987; thường trú: 5/40 khu phố BĐ2, phường BH, thành phố TA, tỉnh BD, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2022, bản tự khai ngày 01/11/2022, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phan Thị Thủy Tiên trình bày:

Bà PTTT và ông NTP tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Bình Hòa, huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 166/2009 ngày 08/12/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông P không quan tâm đến bà mà chỉ lo chơi bời, nhậu nhẹt, không lo làm ăn, mỗi lần ông P nhậu về là kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập bà nhiều lần và thường xuyên đe dọa giết bà, mâu thuẫn vợ chồng bà không trình báo chính quyền địa phương và việc ông P đánh bà chỉ chấn thương phần mềm nên bà không làm giấy chứng thương. Bà bỏ về nhà mẹ ruột bà tại địa chỉ ấp Hòa Bình, thị trấn Kinh Cùng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang từ tháng 05/2021, sống ly thân với ông P từ đó đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, do đó bà PTTT yêu cầu

được ly hôn với ông NTP.

- Về con chung: Có 02 con chung tên NGH, sinh ngày 24/02/2010 và NHD, sinh ngày 11/5/2017. Bà Tiên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là NHD, sinh ngày 11/5/2017, đồng ý giao con chung NGH, sinh ngày 24/02/2010 cho ông P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản ngày 24/10/2022, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông NTP trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến rằm tháng 7/2020 (âm lịch) thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông hay ăn nhậu nên bà T về quê. Nay bà Tiên yêu cầu được ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn. Trường hợp bà T cương quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên NGH, sinh ngày 24/02/2010 và NHD, sinh ngày 11/5/2017. Trường hợp tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn thì ông Pyêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là NGH, sinh ngày 24/02/2010 và NHD, sinh ngày 11/5/2017, không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán, thư ký được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quá trình tố tụng bị đơn ông NTP có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa chỉ 5/40 khu phố Bình Đức 2, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, yêu cầu giải quyết con chung không yêu cầu giải quyết về tài sản chung; nợ chung. Như vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà PTTT và ông NTP có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Bình Hòa, huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 166/2009 ngày 08/12/2009, do đó quan hệ hôn nhân của bà Tiên và ông Phát là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Tiên và ông Phát tại nơi cư trú, tuy nhiên địa phương không rõ.

Bà T yêu cầu được ly hôn với ông P với lý do do ông P không quan tâm đến bà mà chỉ lo chơi bời, nhậu nhẹt, không lo làm ăn, mỗi lần ông P nhậu về là kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập bà nhiều lần và thường xuyên đe dọa giết bà, mâu thuẫn vợ chồng bà không trình báo chính quyền địa phương và việc ông P đánh bà chỉ chấn thương phần mềm nên bà không làm giấy chứng thương. Bà và ông P sống ly thân từ tháng 05/2021 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau và yêu cầu được ly hôn với ông P. Ông P thừa nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông, tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương yêu bà T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng bà T, ông P vì bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống có nhiều mâu thuẫn. Từ khi bà T nộp đơn khởi kiện đến nay tình trạng hôn nhân của bà T và ông P vẫn không cải thiện, mạnh ai nấy sống, bà T đã bỏ về nhà mẹ của bà tại địa chỉ ấp Hòa Bình, thị trấn Kinh Cù, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang từ tháng 05/2021, sống ly thân với ông P từ đó đến nay, bà T và ông P không còn quan tâm, chăm sóc nhau nên có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà T và ông P không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân của bà T và ông P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 02 con chung tên NGH, sinh ngày 24/02/2010 và NHD, sinh ngày 11/5/2017. Tại phiên tòa ông P xác định cháu NHD, sinh ngày 11/5/2017 hiện đang sinh sống với bà T, cháu NGH, sinh ngày 24/02/2010 đang sinh sống với ông P từ tháng 5/2021 đến nay, các cháu vẫn phát triển mạnh khỏe, được học hành đầy đủ. Vì vậy, cần đảm bảo sự ổn định của các con, tránh xáo trộn về mặt tâm lý nên Hội đồng xét xử sẽ giao con chung NHD, sinh ngày 11/5/2017 cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục; giao con chung NGH, sinh ngày 24/02/2010 cho ông Phát được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Cả bà T và ông P đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên bà T và ông P đều không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà PTTT về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông NTP

- Về quan hệ hôn nhân: Bà PTTT được ly hôn với ông NTP

- Về con chung: Giao con chung NHD, sinh ngày 11/5/2017 cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục; giao con chung NGH, sinh ngày 24/02/2010 cho ông P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về cấp dưỡng: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà PTTT phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000582 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Bị có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- THADS thành phố Thuận An;
- Đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhâm